

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

(Nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014

và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 27
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 27

Đ-
C
D
T
U

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801116600 ngày 12 tháng 03 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 04 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Thi công lắp đặt đường ống.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 27).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên. Sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2 chấm dứt hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước và chuyển sang hình thức Doanh nghiệp cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1801116600 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 6 năm 2014.

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Chủ tịch Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Hữu Lộc Chủ tịch

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc
Ông Lê Quốc Phục	Phó Giám đốc
Bà Phạm Hồng Kha	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Hoà	Kế toán trưởng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cần Thơ, ngày 29 tháng 7 năm 2014

Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Văn Chinh

3462
HÀN
TY TH
Ự TỬ
H KẾ,
MTN
AVIL
Y -

Số: 264/2014/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2, được lập ngày 22 tháng 7 năm 2014, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2 tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2014

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt****Bùi Ngọc Vương****Kiểm toán viên****Bùi Thị Ngọc Lan**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn**Branch in Hanoi**No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		71.823.945.661	32.647.691.537
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		46.726.493.289	11.517.120.042
1.	Tiền	111	V.01	33.726.493.289	6.517.120.042
2.	Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	5.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.634.894.352	5.664.144.478
1.	Phải thu khách hàng	131		2.755.310.550	2.740.276.974
2.	Trả trước cho người bán	132		995.328.194	408.128.376
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	4.884.255.608	2.515.739.128
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		14.985.321.918	13.614.806.316
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	14.985.321.918	13.614.806.316
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.477.236.102	1.851.620.701
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		620.867.801	1.213.710.989
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		532.698.066	375.098.410
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	60.913.495	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	262.756.740	262.811.302

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.096.730.631	135.756.597.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		112.110.460.308	115.123.349.056
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	101.294.600.880	110.711.608.342
	- Nguyên giá	222		242.410.347.586	244.667.598.663
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(141.115.746.706)	(133.955.990.321)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	10.815.859.428	4.411.740.714
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.964.162.880	8.611.140.536
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.08	8.964.162.880	8.611.140.536
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		12.022.107.443	12.022.107.443
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	12.022.107.443	12.022.107.443
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		204.920.676.292	168.404.288.572

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		77.859.439.565	44.926.905.869
I.	Nợ ngắn hạn	310		55.602.095.267	25.903.225.465
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.	Phải trả người bán	312		2.097.549.174	64.276.501
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	9.255.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.708.253.993	3.441.651.259
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	-	33.069.193
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	49.198.980.392	21.802.013.600
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.597.311.708	552.959.912
II.	Nợ dài hạn	330		22.257.344.298	19.023.680.404
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	22.257.344.298	19.023.680.404
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.061.236.727	123.477.382.703
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	127.061.236.727	123.477.382.703
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.913.463.824	51.615.974.673
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		39.731.493.091	39.731.493.091
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		8.923.582.699	3.563.918.288
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	2.966.039.666
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.492.697.113	25.599.956.985
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		204.920.676.292	168.404.288.572

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Kế toán trưởng

Trần Thị Hoà

Cần Thơ, ngày 22 tháng 7 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	38.807.795.066	33.392.335.946
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.624.857	969.714
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	38.805.170.209	33.391.366.232
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	21.571.278.415	18.132.909.752
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.233.891.794	15.258.456.480
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	360.380.844	209.958.213
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	1.106.323.575	1.293.348.254
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.106.323.575	1.293.348.254
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.381.209.213	2.984.820.120
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.106.739.850	11.190.246.319
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	131.990.933	147.232.401
12.	Chi phí khác	32	VI.08	282.442	40.653.536
13.	Lợi nhuận khác	40		131.708.491	106.578.865
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.238.448.341	11.296.825.184
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.111.739.105	2.789.048.656
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		11.126.709.236	8.507.776.528

Cần Thơ, ngày 22 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Trần Thị Hoà

Nguyễn Văn Chính



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		42.913.082.611	35.771.748.048
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(20.345.713.613)	(15.694.293.951)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.755.925.757)	(6.700.455.649)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(1.106.323.575)	(1.293.348.254)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(3.823.831.269)	(2.961.699.573)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		170.493.076	2.777.269.411
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.067.232.632)	(7.910.632.707)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.984.548.841	3.988.587.325
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(501.020.332)	(5.075.668.048)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		360.380.844	28.674.116
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(140.639.488)	(5.046.993.932)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

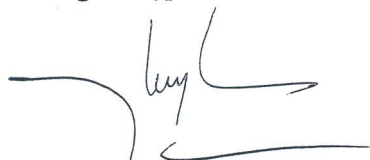
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		28.131.800.000	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		6.448.640.978	4.516.996.225
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.214.977.084)	(1.687.727.577)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		31.365.463.894	2.829.268.648
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		35.209.373.247	1.770.862.041
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.517.120.042	2.200.769.512
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		46.726.493.289	3.971.631.553

Cần Thơ, ngày 22 tháng 7 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc









Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Trần Thị Hoà

Nguyễn Văn Chinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty TNHH Một thành viên.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: sản xuất, kinh doanh nước sạch;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Thi công lắp đặt đường ống.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 08 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán;

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 3557/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Công bố giá trị Doanh nghiệp để Cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	30/6/2014	01/01/2014
- Tiền mặt	5.011.528	5.017.944
- Tiền gửi ngân hàng	33.721.481.761	6.512.102.098
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	33.726.493.289	6.517.120.042

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
- Phải thu về cổ phần hóa	326.835.600	201.000.000
- Phải thu khác	4.557.420.008	2.314.739.128
+ Các chi nhánh công ty	295.726.136	387.628.188
+ Đội xây lắp	2.607.403.211	1.926.855.790
+ Khác	1.654.290.661	255.150
Cộng	4.884.255.608	2.515.739.128

03. Hàng tồn kho

	30/6/2014	01/01/2014
- Nguyên liệu, vật liệu	13.594.150.205	12.214.784.133
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.391.171.713	1.400.022.183
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	14.985.321.918	13.614.806.316

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	30/6/2014	01/01/2014
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	60.913.495	-
Cộng	60.913.495	-

05. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
- Tạm ứng	262.756.740	262.811.302
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cộng	262.756.740	262.811.302

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÁP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	96.643.553.003	82.626.795.139	64.845.876.722	551.373.799	244.667.598.663
- Mua trong kỳ	-	-	-	309.319.000	309.319.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	498.940.882	-	1.490.630.894	-	1.989.571.776
- Tăng khác	152.060.781	52.110.957	683.476.632	-	887.648.370
- Phân loại lại tài sản	12.784.115	99.090.909	(12.784.115)	(99.090.909)	-
- Giảm do đem đi góp vốn	-	-	(365.195.528)	-	(365.195.528)
- Giảm khác	(1.228.643.961)	(1.406.894.400)	(1.880.401.279)	-	(4.515.939.640)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản	(18.102.376)	(152.930.084)	(322.305.728)	(69.316.867)	(562.655.055)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	96.060.592.444	81.218.172.521	64.439.297.598	692.285.023	242.410.347.586
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	51.258.160.902	60.447.788.518	22.018.514.921	231.525.980	133.955.990.321
- Khấu hao trong kỳ	3.413.867.548	1.128.485.915	2.629.177.926	74.619.652	7.246.151.041
- Tăng khác	132.469.140	13.726.988	475.860.570	407.113	622.463.811
- Giảm do đem đi góp vốn	-	-	(12.173.184)	-	(12.173.184)
- Giảm khác	(15.584)	(250.959.540)	(407.113)	-	(251.382.237)
- Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản	(8.105.975)	(109.940.494)	(273.198.846)	(54.057.731)	(445.303.046)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	54.796.376.031	61.229.101.387	24.837.774.274	252.495.014	141.115.746.706
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	45.385.392.101	22.179.006.621	42.827.361.801	319.847.819	110.711.608.342
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	41.264.216.413	19.989.071.134	39.601.523.324	439.790.009	101.294.600.880

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2014	01/01/2014
+ Công trình mạng lưới cấp thoát nước	10.815.859.428	4.411.740.714
Cộng	10.815.859.428	4.411.740.714

08. Đầu tư vào Công ty con

	30/6/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hoà ^(a)	896.416	8.964.162.880	861.114	8.611.140.536
Cộng		8.964.162.880		8.611.140.536

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800718835 ngày 18 tháng 7 năm 2008 và đăng ký thay đổi và cấp lại lần 1 ngày 25 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hoà 4.620.000.000 VND, tương đương 51,33% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 8.964.162.880 VND, tương đương 99,6% vốn điều lệ. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hoà chưa đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ.

09. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2014	01/01/2014
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	766.221.450	766.221.450
- Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	11.255.885.993	11.255.885.993
Cộng	12.022.107.443	12.022.107.443

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014	01/01/2014
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.692.300.503	3.404.392.667
- Thuế thu nhập cá nhân	-	20.918.702
- Thuế tài nguyên	15.953.490	16.339.890
Cộng	2.708.253.993	3.441.651.259

11. Chi phí phải trả

	30/6/2014	01/01/2014
- Chi phí phải trả khác	-	33.069.193
Cộng	-	33.069.193

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2014	01/01/2014
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	28.131.800.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.067.180.392	21.802.013.600
+ Tiền bồi hoàn, hỗ trợ di dời hệ thống cấp thoát nước	-	4.677.726.081
+ Lợi nhuận phải nộp về cho chủ sở hữu	9.648.216.683	16.674.549.499
+ Phải trả khác	11.418.963.709	449.738.020
Cộng	49.198.980.392	21.802.013.600

13. Vay và nợ dài hạn

	30/6/2014	01/01/2014
Vay dài hạn	22.257.344.298	19.023.680.404
- Vay dài hạn ngân hàng	22.257.344.298	19.023.680.404
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	22.257.344.298	19.023.680.404
- Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	-
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	22.257.344.298	19.023.680.404

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cần Thơ theo 03 hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 11.16.012 ngày 08 tháng 12 năm 2011 để đầu tư hạng mục tuyến ống công nghệ D400, D600 từ nhà máy nước Cần Thơ 2 đến đường Võ Văn Kiệt và hạng mục bể chứa trạm bơm cấp 2 thuộc dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ 2 lên thêm 10.000 m³/ngày đêm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay: bể chứa, trạm bơm cấp 2, nhà hoá chất phục vụ dây chuyền xử lý công suất 10.000 m³/ngày đêm, đường ống công nghệ D400, D600, mạng lưới tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị phục vụ quản lý, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Hợp đồng số 11.16.0009 ngày 19 tháng 4 năm 2011 để đầu tư dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ số 2 lên thêm 10.000 m³/ngày đêm (thanh toán tiền xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị và công nghệ). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ công trình xây dựng trên đất, trang thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ lên thêm công suất 10.000 m³/ngày.
- Hợp đồng số 12.67.049 ngày 25 tháng 12 năm 2012 để đầu tư tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÁP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	50.198.649.782	-	4.085.864.731	2.115.262.013	17.276.070.044	73.675.846.570
Tăng vốn trong năm trước	1.417.324.891	39.731.493.091	-	-	-	41.148.817.982
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	18.531.745.636	18.531.745.636
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	-	-	-	(1.531.945.879)	(1.531.945.879)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	17.632.143	850.777.653	(8.807.776.528)	(7.939.366.732)
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận các năm trước	-	-	-	-	313.147.809	313.147.809
Giảm vốn trong năm trước	-	-	(539.578.586)	-	-	(539.578.586)
Giảm khác	-	-	-	-	(181.284.097)	(181.284.097)
Số dư cuối năm trước	51.615.974.673	39.731.493.091	3.563.918.288	2.966.039.666	25.599.956.985	123.477.382.703
Số dư đầu năm nay	51.615.974.673	39.731.493.091	3.563.918.288	2.966.039.666	25.599.956.985	123.477.382.703
Tăng vốn trong kỳ	2.297.489.151	-	-	-	-	2.297.489.151
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.126.709.236	11.126.709.236
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2014	-	-	-	-	(2.510.000.000)	(2.510.000.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2013	-	-	5.541.891.549	-	(9.723.969.108)	(4.182.077.559)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	(2.966.039.666)	-	(2.966.039.666)
Giảm khác	-	-	(182.227.138)	-	-	(182.227.138)
Số dư cuối kỳ	53.913.463.824	39.731.493.091	8.923.582.699	-	24.492.697.113	127.061.236.727

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2014	01/01/2014
- Vốn góp của Nhà nước	53.913.463.824	51.615.974.673
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Cộng	53.913.463.824	51.615.974.673

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	51.615.974.673	50.198.649.782
+ Vốn góp tăng trong kỳ	2.297.489.151	1.417.324.891
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	53.913.463.824	51.615.974.673
- Lợi nhuận phân phối trong kỳ	3.986.172.295	5.662.044.388

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Doanh thu sản xuất nước	37.616.876.095	31.680.475.602
- Doanh thu lắp đặt và công trình khác	1.190.918.971	1.711.860.344
Cộng	38.807.795.066	33.392.335.946

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giảm giá hàng bán	2.624.857	-
- Hàng bán bị trả lại	-	969.714
Cộng	2.624.857	969.714

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Doanh thu thuần sản xuất nước	37.614.251.238	31.679.505.888
- Doanh thu thuần lắp đặt và công trình khác	1.190.918.971	1.711.860.344
Cộng	38.805.170.209	33.391.366.232

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giá vốn sản xuất nước	20.643.073.563	16.621.308.005
- Giá vốn lắp đặt	560.290.568	1.511.601.747
- Giá vốn chuyển nhượng	367.914.284	-
Cộng	21.571.278.415	18.132.909.752

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	265.918.722	28.674.116
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	94.462.122	181.284.097
Cộng	360.380.844	209.958.213

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền vay	1.106.323.575	1.293.348.254
Cộng	1.106.323.575	1.293.348.254

07. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Thu nhập khác	131.990.933	147.232.401
Cộng	131.990.933	147.232.401

08. Chi phí khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí khác	282.442	40.653.536
Cộng	282.442	40.653.536

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.111.739.105
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.111.739.105

Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.238.448.341
Các khoản điều chỉnh tăng	282.442
<i>Chi phí không được trừ</i>	282.442
Các khoản điều chỉnh giảm	94.462.122
<i>Cổ tức được chia</i>	94.462.122
Thu nhập tính thuế TNDN	14.144.268.661
Thuế suất thuế TNDN	22%
Thuế TNDN	3.111.739.105
Truy thu thuế TNDN	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	3.111.739.105

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.982.956.658
- Chi phí nhân công	8.653.606.561
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.246.151.041
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.483.970.692
- Chi phí khác bằng tiền	576.952.206
Cộng	23.943.637.158

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

- Tăng vốn từ Quỹ dự phòng tài chính: 2.115.262.013 đồng.
- Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển: 182.227.138 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty hoạt động theo hình thức TNHH Một thành viên. Sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước số 2 chấm dứt hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước và chuyển sang hình thức Doanh nghiệp Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1801116600 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 6 năm 2014.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Tiền lương	800.640.000
Cộng	800.640.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hoà

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ

Công ty mẹ (đối với loại hình hoạt động TNHH Một thành viên)

Công ty con

Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ

Bán hàng

3.770.388.000

Mua hàng

421.692.241

Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hoà

Bán hàng

530.342.909

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>30/6/2014</u>
<i>Công ty TNHH Cấp thoát nước Cần Thơ</i>	
Phải thu khách hàng	644.255.979
<i>Công ty Cổ phần Cấp nước Long Hoà</i>	
Phải thu khách hàng	289.190.350
Cộng nợ phải thu	<u>933.446.329</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2
 366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.726.493.289	-	11.517.120.042	-	46.726.493.289	11.517.120.042
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.639.566.158	-	5.256.016.102	-	7.639.566.158	5.256.016.102
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	54.366.059.447	-	16.773.136.144	-	54.366.059.447	16.773.136.144

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.097.549.174	64.276.501	2.097.549.174	64.276.501
Vay và nợ	22.257.344.298	19.023.680.404	22.257.344.298	19.023.680.404
Chi phí phải trả	-	33.069.193	-	33.069.193
Các khoản phải trả khác	21.067.180.392	21.802.013.600	21.067.180.392	21.802.013.600
Cộng	45.422.073.864	40.923.039.698	45.422.073.864	40.923.039.698

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.13). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách (VND)	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
- Bể chứa, trạm bơm cấp 2, nhà hoá chất phục vụ dây chuyền xử lý công suất 10.000 m ³ /ngày đêm, đường ống công nghệ D400, D600, mạng lưới tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị phục vụ quản lý, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.	41.669.000.000	Để đầu tư hạng mục tuyến ống công nghệ D400, D600 từ nhà máy nước Cần Thơ 2 đến đường Võ Văn Kiệt và hạng mục bể chứa trạm bơm cấp 2 thuộc dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ 2 lên thêm 10.000 m ³ /ngày đêm.
- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất, trang thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ lên thêm công suất 10.000 m ³ /ngày.	18.247.000.000	Để đầu tư dự án nâng công suất nhà máy nước Cần Thơ số 2 lên thêm 10.000 m ³ /ngày đêm (thanh toán tiền xây dựng, cung cấp lắp đặt thiết bị và công nghệ).
- Tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	16.059.000.000	Để đầu tư tuyến ống cấp nước D300, D250 gang và D114 PVC dọc tuyến đường Võ Văn Kiệt, thành phố Cần Thơ và tuyến ống D400 gang và D114 PVC tuyến bên phải đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cách Mạng Tháng 8 đến đường Mậu Thân) quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Cộng	<u>75.975.000.000</u>	

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro thanh khoản

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.097.549.174	-	-	2.097.549.174
Vay và nợ	-	22.257.344.298	-	22.257.344.298
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	21.067.180.392	-	-	21.067.180.392
Cộng	23.164.729.566	22.257.344.298	-	45.422.073.864
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	64.276.501	-	-	64.276.501
Vay và nợ	-	19.023.680.404	-	19.023.680.404
Chi phí phải trả	33.069.193	-	-	33.069.193
Các khoản phải trả khác	21.802.013.600	-	-	21.802.013.600
Cộng	21.899.359.294	19.023.680.404	-	40.923.039.698

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC SỐ 2

366C Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 chưa được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoà



Cần Thơ, ngày 22 tháng 7 năm 2014

Giám đốc



Nguyễn Văn Chính